|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÓM TẮT**

**Kết quả kỳ họp thứ 12, 13 HĐND tỉnh khóa X**

*(Tài liệu phục vụ TXCT của đại biểu HĐND tỉnh)*

 **I. NỘI DUNG KỲ HỌP THỨ 12 *(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)***

 Trong thời gian 2 ngày, từ ngày 09-10/3/2023 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026đã tổ chức kỳ họp thứ 12 *(kỳ họp chuyên đề)*. Kỳ họp đã tiến hành công tác cán bộ thuộc thẩm quyền, thông qua 17 nghị quyết, gồm: 11 nghị quyết chuyên đề, 02 nghị quyết thường kỳ, 03 nghị quyết về công tác cán bộ và 01 nghị quyết về kết quả kỳ họp. Cụ thể như sau:

**1. Tiến hành công tác cán bộ thuộc thẩm quyền:**

- Bãi nhiệm Uỷ viên UBND tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Ma Thế Quyên, nguyên Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo do cấp có thẩm quyền đã quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

- Miễn nhiệm Uỷ viên UBND tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Hoàng Hà Bắc, nguyên Giám đốc Sở Công Thương do chuyển công tác khác giữ chức vụ Chủ tịch UBND thành phố Bắc Kạn và ông Dương Ngọc Thuyết, nguyên Giám đốc Sở Giao thông vận tải do chuyển công tác khác gữa chức vụ Bí thư Huyện ủy huyện Ba Bể.

- Bầu bổ sung Ủy viên UBND tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026 đối đối với các ông, bà: Lèng Văn Chiến, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Nguyễn Ngọc Sơn, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Hà Sỹ Thắng, Giám đốc Sở Công Thương; Hoàng Văn Thiên, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Hoàng Thị Thúy, Giám đốc Sở Xây dựng.

**2. Các nghị quyết chuyên đề**

**2.1. Nghị quyết phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023 *(bổ sung lần 1)***

*Nội dung cụ thể:* Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ từ nguồn năm 2022 chuyển sang và nguồn tỉnh điều hành chưa phân bổ năm 2023 *(bổ sung lần 1)*, với tổng số tiền 11.688,219 triệu đồng, trong đó:

1. Phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023

a) Tổng kinh phí: 1.287,219 triệu đồng.

 b) Nguồn kinh phí: Nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2023.

 2. Phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ

a) Tổng kinh phí: 10.401 triệu đồng, trong đó:

- Các đơn vị cấp tỉnh: 7.158 triệu đồng.

 - Ủy ban nhân dân các huyện: 3.243 triệu đồng.

 b) Nguồn kinh phí: Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi *(số thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa)* ngân sách cấp tỉnh năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023.

**2.2. Nghị quyết** **phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình** **mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nguồn năm 2022 và năm 2023 chưa phân bổ.**

*Nội dung cụ thể:* Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi *(Chương trình)* nguồn năm 2022 và năm 2023 chưa phân bổ cho các đơn vị, địa phương, cụ thể như sau:

1. Chương trình năm 2022

a) Tổng kinh phí: 12.971,11 triệu đồng, trong đó:

- Các đơn vị cấp tỉnh: 5.911 triệu đồng;

- UBND các huyện, thành phố: 7.060,11 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí:

- Nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022 chuyển sang năm 2023: 12.630,535 triệu đồng;

- Nguồn ngân sách tỉnh năm 2023 đối ứng: 340,575 triệu đồng *(sự nghiệp kinh tế 215 triệu đồng; sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề 97,575 triệu đồng; dự phòng ngân sách tỉnh 28 triệu đồng).*

2. Chương trình năm 2023

a) Tổng kinh phí: 79.835 triệu đồng, trong đó:

- Các đơn vị cấp tỉnh: 9.182 triệu đồng;

- UBND các huyện, thành phố: 70.653 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình năm 2023 chưa phân bổ trong dự toán đầu năm, trong đó:

- Nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu: 72.170 triệu đồng;

- Nguồn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện: 7.665 triệu đồng thuộc nguồn sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành.

3. Nguồn kinh phí chưa phân bổ tại kỳ họp này, số tiền là 5.236 triệu đồng thuộc Chương trình năm 2022 *(bao gồm số thu hồi từ các đơn vị, địa phương về ngân sách tỉnh để phân bổ lại).*

**2.3. Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Hoàn thiện mặt bằng phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I.**

*Nội dung cụ thể:*

1. Mục tiêu đầu tư: Tạo thêm quỹ đất sạch đủ điều kiện thu hút đầu tư phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I, góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thu ngân sách và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

2. Quy mô đầu tư

Giải phóng mặt bằng và tạo mặt bằng phần diện tích còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I với diện tích 14,1 ha.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B, lĩnh vực xây dựng dân dụng.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 57,93 tỷ đồng.

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh điều hành.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Thanh Bình, xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025.

**2.4. Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm** **thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể**

*Nội dung cụ thể:*

1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể với nội dung sau:

Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh:

- Ngân sách trung ương: 90 tỷ đồng;

- Ngân sách tỉnh: 30 tỷ đồng;

- Ngân sách huyện Ba Bể: 52 tỷ đồng.

2. Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể.

**2.5. Nghị quyết** **về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án phát triển hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 2)**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Phát triển cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn *(lần 2)*, với các nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư sau điều chỉnh

Xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, tạo vùng cây ăn quả cam, quýt, mơ, hồng không hạt, chè, quy mô khoảng 1.370 ha *(trong đó diện tích tăng thêm khoảng 670ha)*, theo định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, phát triển một số vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với du lịch nông nghiệp trải nghiệm, du lịch sinh thái. Đồng thời, hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn, bảo vệ và phát triển rừng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống của người dân khu vực nông thôn giúp hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Quy mô: Điều chỉnh, bổ sung một tuyến đường đã phê duyệt tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án phát triển hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*.*

3.Các nội dung khác không thay đổi thực hiện theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án phát triển cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án phát triển cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**2.6.** **Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 – 2025**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025 với các nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng hoàn thiện trụ sở làm việc để đảm bảo nơi làm việc, sinh hoạt, trực chiến đấu cho cán bộ, chiến sỹ lực lượng Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng 33 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023-2025 với các hạng mục chính:

- Nhà làm việc: Diện tích xây dựng khoảng 180m2 *(01 tầng).*

- Nhà để xe: Diện tích khoảng 30m2.

- Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đồng bộ kèm theo.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 60 tỷ đồng.

5. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh điều hành.

6. Địa điểm thực hiện dự án: 33 xã thuộc 08 huyện, thành phố

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 - 2025.

**2.7.** **Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 02 dự án năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với tổng diện tích **2,529 ha**, đối tượng là rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất và rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**2.8. Nghị quyết phê duyệt kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương**

Nội dung cụ thể:

Tổng số kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nguồn ngân sách địa phương là 79.488 triệu đồng, bao gồm:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 48.792 triệu đồng, trong đó:

+ Phần tỉnh điều hành: 44.029 triệu đồng *(bao gồm cả vốn đối ứng các Chương trình Mục tiêu quốc gia và kế hoạch vốn hỗ trợ các địa phương thực hiện lập quy hoạch xã)*.

+ Phần huyện điều hành: 4.762 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 30.696 triệu đồng.

**2.9. Nghị quyết** **thông qua Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*Nội dung cụ thể:*Thông qua Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Về phạm vi ranh giới quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Bắc Kạn, quy mô 4.859,96 km2 gồm 08 đơn vị hành chính: 01 thành phố *(Bắc Kạn)*; 07 huyện *(Chợ Mới, Chợ Đồn, Bạch Thông, Ngân Sơn, Ba Bể, Na Rì, Pác Nặm)*, với 108 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 96 xã, 06 phường và 06 thị trấn.

2. Quan điểm, mục tiêu và các bước đột phá

3. Về phát triển các ngành, lĩnh vực

4. Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng

5. Về phát triển không gian lãnh thổ

6. Về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, khai thác sử dụng, bảo vệ tài nguyên, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.

7. Về phương án sử dụng đất...

**2.10. Nghị quyết** **về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025** **Nguồn vốn ngân sách địa phương *(lần 6)***

*Nội dung cụ thể:*

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương-nguồn vốn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước như sau:

1. Giảm kế hoạch vốn: 144.137 triệu đồng.

2. Bổ sung danh mục và phân bổ kế hoạch vốn: 144.137 triệu đồng.

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn thu tiền sử dụng đất như sau:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 198.800 triệu đồng, cụ thể: điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phần dự phòng chung: 198.800 triệu đồng.

- Bổ sung danh mục và phân bổ kế hoạch vốn: 198.800 triệu đồng, cụ thể:

+ 01 dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư: 18.800 triệu đồng.

+ 03 dự án khởi công mới: 180.000 triệu đồng.

**2.11. Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn với các nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn đảm bảo về cơ sở vật chất phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, để người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại, cải thiện sức khoẻ về thể chất, tinh thần, tuổi thọ.

 2. Quy mô đầu tư

2.1. Ghép Dự án Đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn thuộc Dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em - Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 vào dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn.

2.2. Đầu tư xây dựng các hạng mục còn lại của Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn đáp ứng quy mô 70 giường bệnh

3. Nhóm dự án: Nhóm B, lĩnh vực y tế.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 137,969 tỷ đồng.

**3. Các nghị quyết thường kỳ**

3.1. Nghị quyết về việc thành lập Đoàn giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý đất công gắn với tài sản công trên địa bàn tỉnh

3.2. Nghị quyết về việc điều chỉnh thời gian giám sát việc quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

3.3. Nghị quyết về kết quả kỳ họp thứ 13 *(kỳ họp chuyên đề)*.

**II. NỘI DUNG KỲ HỌP THỨ 13 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Kỳ họp 13 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 *(kỳ họp chuyên đề)* tổ chức trong ngày 26/4/2023 và thống nhất thông qua 16 nghị quyết chuyên đề và 01 Nghị quyết về kết quả kỳ họp. Cụ thể:

**1. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương năm 2022**

*Nội dung cụ thể:* Điều chỉnh, bổ sung dự toán vốn vay lại từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ và dự toán chi trả nợ gốc của ngân sách địa phương tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022 như sau:

1. Điều chỉnh tăng dự toán vốn vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ năm 2022, số tiền 33.700 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng dự toán chi trả nợ gốc của ngân sách địa phương, số tiền 33.700 triệu đồng.

**2. Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương năm 2023**

*Nội dung cụ thể:* Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách địa phương năm 2023 tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023 như sau:

1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách địa phương *(ngân sách cấp tỉnh)* 41.550 triệu đồng từ khoản thu bán tài sản công năm 2022 chuyển sang nộp trong quý I năm 2023; điều chỉnh giảm dự toán thu chuyển nguồn từ năm trước sang *(nguồn thu bán tài sản công năm 2022)* 37.250 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh 4.300 triệu đồng từ khoản thu bán tài sản công năm 2022 chuyển sang nộp trong quý I năm 2023 gắn với nhiệm vụ chi xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

3.Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023.

**3. Nghị quyết phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023 *(bổ sung lần 2)***

*Nội dung cụ thể:* Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023 *(bổ sung lần 2)*, với tổng số tiền 87.127.671.531 đồng *(Tám mươi bảy tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi mốt nghìn, năm trăm ba mươi mốt đồng)*, cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 4.614.059.259 đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 5.270.289.665 đồng;

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 505.888.607 đồng;

2. Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: 5.963.880.000 đồng.

3. Kinh phí tuyển dụng công chức tỉnh Bắc Kạn năm 2022: 712.128.000 đồng.

4. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ: 1.517.034.000 đồng.

5. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ: 1.590.330.000 đồng;

6. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 6.089.662.000 đồng.

7. Nhiệm vụ chuyển đổi số: 60.864.400.000 đồng.

**4. Nghị quyết bãi bỏ Điều 15 của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và** **sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo** **Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022** **của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:* Bãi bỏ Điều 15 *(Lệ phí đăng ký cư trú)* của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

**5. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND** **ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 5 như sau:

“d) Thuế thu nhập cá nhân *(trừ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản và thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Chi cục Thuế quản lý thu)*”;

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo phân cấp”.

**6. Nghị quyết về** **Quy định mức chi đối với một số nội dung chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức chi đối với một số nội dung chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại khoản 5, Điều 5 Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc lập, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Mức chi đối với một số nội dung chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

1. Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến, mức chi như sau:

a) Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất: 200.000 đồng/người/ngày*.*

b) Chi phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai: 200.000 đồng/người/ngày.

c) Chi trích đo địa chính thửa đất đối với thửa đất tại nơi chưa có bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

d) Đo đạc xác định diện tích thực tế các thửa đất nằm trong ranh giới khu đất thu hồi để thực hiện dự án *(nếu có)* của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm căn cứ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp phải đo đạc lại; kiểm kê số lượng nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: 300.000 đồng/người/ngày.

đ) Chi kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác: 200.000 đồng/người/ngày.

e) Chi lập, thẩm định, chấp thuận, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu, xác định mức bồi thường, hỗ trợ đến khâu phê duyệt phương án, thông báo công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 200.000 đồng/người/ngày.

g) Chi tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 200.000 đồng/người/ngày.

h) Chi phục vụ việc hướng dẫn thực hiện, giải quyết những vướng mắc trong tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 200.000 đồng/người/ngày.

i) Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư *(nếu có)* 300.000 đồng/người/ngày.

k) Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định: Thực hiện theo mức chi thực tế, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, có hóa đơn chứng từ hợp pháp.

2. Đối với các dự án, tiểu dự án không thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, không phải dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến: Mức chi cụ thể xác định theo kinh phí được trích theo quy định nhưng không vượt quá mức chi quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Mức chi đối với một số nội dung chi cho công tác cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất

**7. Nghị quyết thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2023 và điều chỉnh loại đất, diện tích công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2021**

*Nội dung cụ thể:* Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2023, như sau:

1. Tổng số danh mục bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là 17 công trình, dự án cụ thể:

- Huyện Chợ Đồn: 04 công trình, dự án;

- Huyện Chợ Mới: 04 công trình, dự án;

- Huyện Ngân Sơn: 02 công trình, dự án;

- Huyện Bạch Thông: 02 công trình, dự án;

- Huyện Pác Nặm: 03 công trình, dự án;

- Huyện Ba Bể: 01 công trình, dự án;

- Huyện Na Rì: 01 công trình, dự án;

2. Chuyển mục đích sử dụng 66.938,2 m2 đất trồng lúa và 4.231,7m2 đất rừng phòng hộ để thực hiện 17 công trình, dự án.

3. Điều chỉnh loại đất, diện tích của 01 công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2021 *(Dự án Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ)*

**8. Nghị quyết hủy bỏ danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích**  **sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua**

*Nội dung cụ thể:* Hủy bỏ danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, như sau:

1. Hủy bỏ 586 danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Hủy bỏ 138 danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại một số Nghị quyết.

**9. Nghị quyết** **về chủ trương đầu tư dự án Kè khắc phục sạt lở bờ suối thôn Bản Tưn, xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:*

1. Mục tiêu đầu tư: Phòng chống sạt lở bờ suối, bảo vệ an toàn tính mạng và nhà ở, đất canh tác của người dân trong khu vực và hệ thống cơ sở hạ tầng tại thôn Bản Tưn, xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn nhằm ổn định đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Quy mô đầu tư: Xây dựng 02 tuyến kè dọc theo bờ suối bên tả và bên hữu có tổng chiều dài khoảng 1.600m. Hình thức kè dự kiến như sau:

- Kè tường sườn bản chống bằng bê tông cốt thép. Chiều cao tường kè trung bình 2,5m, chiều rộng đáy kè khoảng 12m; trên đỉnh kè bố trí đường nội đồng bằng bê tông rộng khoảng 2,2m.

- Phía hạ lưu tuyến kè tiếp giáp với đường giao thông vào Bản Tưn: Xây dựng cống qua đường bằng bê tông cốt thép nhằm nâng cao khả năng thoát lũ.

- Trên tuyến kè bố trí các cống thoát nước bằng bê tông cốt thép.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C, lĩnh vực Thuỷ lợi.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 25,05 tỷ đồng.

5. Nguồn vốn: Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2022.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Bản Tưn, xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

**10. Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án *(bổ sung)* năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 02 dự án năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với tổng diện tích 7,048 ha, đối tượng là rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất và rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**11. Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị,** **thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới với các nội dung sau:

1. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 116,3 tỷ đồng *(tăng 10 tỷ đồng)*;

2. Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh:

- Ngân sách trung ương: 81 tỷ đồng;

- Ngân sách huyện: 35,3 tỷ đồng *(tăng 10 tỷ đồng)*.

3.Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về chủ trương đầu tư dự án Đường nội thị, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới.

**12. Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trường học trên địa bàn tỉnh**

*Nội dung cụ thể:* Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trường học trên địa bàn tỉnh với các nội dung sau:

1. Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung:

*-* Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình các trường: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Yến Dương *(thay cho Trường Tiểu học Yến Dương);* trường Tiểu học và Trung học cơ sở DươngQuang *(thay cho Trường Tiểu học Dương Quang)*.

- Không đầu tư mua sắm, bổ sung bàn ghế, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu dạy và học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho các trường Trung học phổ thông.

2. Tổng mức đầu tư dự án sau điều chỉnh: 350,321 tỷ đồng *(tăng 80 tỷ đồng)*.

3. Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh, bổ sung:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương: 270,321 tỷ đồng;

- Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh: 80 tỷ đồng *(bổ sung 80 tỷ đồng)*.

**13. Nghị quyết** **về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang**

*Nội dung cụ thể:*

1. Quy mô đầu tư điều chỉnh:

a) Đoạn tuyến Km37 - Km39 thuộc Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể:

- Quy mô đường cấp III miền núi (*theo TCVN 4054:2005 đường ô tô - Yêu cầu thiết kế*), châm chước đối với những đoạn khó khăn, mở rộng mặt đường, lề gia cố để chiều rộng nền đường đạt Bn = 12,0m.

b) Tuyến Ba Bể, Bắc Kạn kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang:

- Quy mô đường cấp IV miền núi (*theo TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế),* châm chước đối với những đoạn khó khăn.

- Chiều dài tuyến khoảng 37,5km.

2. Tổng mức đầu tư dự án sau điều chỉnh: 3.837,809 tỷ đồng.

3. Cơ cấu nguồn vốn sau điều chỉnh:

- Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh: 277,809 tỷ đồng;

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 3.560,0 tỷ đồng.

**\*** Các nội dung khác không điều chỉnh tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 07/12/2019, Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 và Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

**14. Nghị quyết** **về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025** **Nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 7)**

*Nội dung cụ thể:*

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 89.903 triệu đồng, cụ thể:

a) Giảm kế hoạch vốn phần dự phòng chung ngân sách địa phương: 84.588 triệu đồng.

b) Giảm kế hoạch vốn chưa phân bổ: 1.860 triệu đồng.

c) Giảm kế hoạch vốn của 03 dự án đã quyết toán: 3.455 triệu đồng.

2. Bổ sung danh mục và phân bổ kế hoạch vốn: 89.903 triệu đồng, trong đó:

a) Dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư *(03 dự án)*: 8.798 triệu đồng.

b) Dự án khởi công mới *(03 dự án)*: 18.810 triệu đồng.

c) Bổ sung kế hoạch vốn cho nhiệm vụ quy hoạch: 1.860 triệu đồng.

d) Bổ sung kế hoạch vốn hỗ trợ huyện Bạch Thông thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới: 60.435 triệu đồng.

1**5. Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương *(lần 1)***

*Nội dung cụ thể:* Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương *(lần 1)* như sau:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 03 dự án và phân bổ vốn dự phòng: 78.322 triệu đồng.

- Bổ sung danh mục và phân bổ kế hoạch vốn cho 21 dự án: 78.322 triệu đồng.

- Điều chỉnh số kế hoạch vốn năm 2023 thu hồi ứng trước ngân sách năm 2022 của dự án Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang: 40.132 triệu đồng.

**16. Nghị quyết về kết quả kỳ họp thứ 13 *(kỳ họp chuyên đề)*.**

*Trên đây là những nội dung chủ yếu của kỳ họp thứ 12, 13, HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa X. Đại biểu HĐND tỉnh căn cứ vào tài liệu tóm tắt này và các Nghị quyết đã được kỳ họp thông qua lựa chọn nội dung phù hợp với địa phương và từng điểm tiếp xúc để báo cáo với cử tri./.*

 **THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH**